

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - LÂM ĐỒNG**

Bản án số: **118/2026/DS - ST**

Ngày: 14 - 8 - 2026

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản và hợp đồng thi công*”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - H P**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Yến Mai;

2. Bà Mai Lương Anh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Quang - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lâm Đồng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 381/2025/TLST - DS ngày 03 tháng 11 năm 2025 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và hợp đồng thi công*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2026/QĐXXST - DS ngày 29 tháng 4 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 117/2026/QĐST - DS ngày 27 tháng 5 năm 2026, Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 21/TB - TA ngày 23/6/2026 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 89/2026/QĐST - DS ngày 14 tháng 7 năm 2026 giữa:

Nguyên đơn: Anh Hồ Tấn P, sinh năm: 1990.

Địa chỉ thường trú: Hẻm 14 Nam Hồ, phường X, tỉnh L. Địa chỉ hiện trú: Số 1/3 Ngô Thị Nhậm, phường X, tỉnh L (*Có mặt*).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh P: Bà Nguyễn Thị H, anh Đỗ Quốc A - Văn phòng luật Thành Phát - thuộc đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng (*Có mặt*).

Bị đơn: Anh Trương Minh T, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Tổ 21, đường Hồ Xuân Hương, phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; địa chỉ liên lạc: Ánh Quân Khôi Hotel hẻm 57, đường H, phường X, tỉnh L (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 30/9/2025 và trình bày của nguyên đơn anh Hồ Tấn P trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa thì:* Giữa anh Hồ Tấn P và anh Trương Minh T có mối quan hệ quen biết với nhau từ năm 2020. Anh T là người đầu tư bất động sản xây dựng nhà để bán kiếm lời, quá trình anh P nhận lắp ráp thang máy cho các công trình xây dựng của anh T. Trong quá trình nhận thi công lắp thang máy cho anh T, do biết anh P có tiền để dành chuẩn bị mua nhà nên anh T nhiều lần mượn tiền của anh P cụ thể:

- Ngày 23/8/2022 anh P đã chuyển khoản (2 lần) cho anh T mượn số tiền 450.000.000đ (*Bốn trăm năm mươi triệu đồng*) chuyển khoản từ tài khoản của anh T là số **258028599** được mở tại Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) - Chi nhánh Lâm Đồng đến số tài khoản của anh Trương Minh T là số **1688899999** được mở tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB) - Chi nhánh Lâm Đồng;

- Ngày 06/9/2022 chuyển khoản số tiền 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*) từ tài khoản của anh số tài khoản **258028599** được mở tại Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) - Chi nhánh Lâm Đồng đến số tài khoản của anh Trương Minh T là số **1688699999** được mở tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB) - Chi nhánh Lâm Đồng. Ngày 19/4/2023 chuyển khoản số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) từ tài khoản nêu trên của anh P đến số tài khoản nêu trên của T;

- Ngày 22/5/2023 chuyển khoản số tiền 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*) từ số tài khoản của anh P là số **0366515789** được mở tại Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB) - Chi nhánh Đà Lạt đến số tài khoản của anh Trương Minh T là số **100643599999** được mở tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank) - Chi nhánh Lâm Đồng.

- Ngày 28/10/2022 anh P chuyển khoản số tiền 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*) từ tài khoản của anh P là số **19035312616016** được mở tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Lâm Đồng đến số tài khoản của ông Trương Minh T là **1688699999** được mở tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB) - Chi nhánh Lâm Đồng.

Ngày 12/7/20203 theo yêu cầu của anh T anh P đã cho anh T mượn và chuyển đến tài khoản của ông Đỗ Thành An số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu).

Ngoài ra, quá trình anh P đã giao cho anh T bằng tiền mặt số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) giao tại Khách sạn Ánh Quân Khôi.

Anh P còn giao bằng tiền mặt số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) cho ông T để ông T dựng nhà tôn cho anh P tại đường Yết Kiêu, nhưng ông T không dựng nhà mà mượn luôn số tiền này của anh

Còn số tiền 204.400.000đ (Hai trăm lẻ bốn triệu bốn trăm nghìn đồng) là tiền công ráp thang máy của Hợp đồng thi công đợt 2, đợt 3 mà lẽ ra anh T phải thanh toán cho anh P, nhưng anh T đã mượn lại của anh P.

Như vậy, tổng cộng số tiền anh T còn nợ của anh P là 1.104.400.000đ (Một tỷ một trăm linh bốn triệu bốn trăm nghìn đồng).

Ngoài việc mượn tiền của P thì anh T còn nợ tiền theo hợp đồng 3 về việc lắp ráp thang máy, mà anh P thực hiện lắp đặt thang máy cho công trình xây dựng nhà của anh T với số tiền là 989.000.000đ (Chín trăm tám mươi chín triệu đồng).

Vào ngày 10/4/2024 giữa anh P và anh T cùng ngồi lại với nhau tính toán chốt hết các khoản nợ cụ thể như nêu trên và ông T đã thừa nhận còn nợ của anh P tổng số tiền là 2.093.400.000đ (Hai tỷ không trăm chín mươi ba triệu bốn trăm nghìn đồng) thể hiện bằng “Giấy xác nhận nợ” anh T ký nhận ngày 10/4/2024 và được diễn giải các khoản tiền cụ thể tại mặt sau của giấy xác nhận. Anh T cam kết và hứa sẽ thanh toán cho anh P số tiền 850.000.000đ (Tám trăm năm mươi triệu đồng) sau khi anh T nhận được tiền cọc căn nhà A2, hẻm 14 Nam Hồ, phường 11, thành phố Đà Lạt (nay là phường Xuân Trường - Đà Lạt), tỉnh Lâm Đồng, số tiền còn lại anh T hứa sau khi rút sổ và sang tên chủ mới anh T sẽ thanh toán nốt cho anh P. Mặc dù anh T đã nhận được tiền cọc và đã chuyển nhượng nhà đất tại địa chỉ nói trên cho ông Nguyễn Văn Phong và bà Nguyễn Thu Hà vào tháng 06/2023 nhưng anh T không thanh số tiền nêu trên cho anh P.

Do công trình của anh T thực hiện bị tạm ngưng quá lâu nên không xuất hàng thang máy ra công trình được. Vì đã hết thời gian lưu kho nên hợp đồng lắp ráp thang máy đã bị hủy, vì vậy đối với khoản mượn của hợp đồng số 3 về lắp ráp thang máy là 989.000.000đ như nêu trên anh P không có yêu cầu khởi kiện.

Quá trình anh Hồ Tấn P khởi kiện yêu cầu anh T có trách nhiệm thanh toán cho P số tiền là 1.204.400.000đ (Hai tỷ không trăm chín mươi ba triệu bốn trăm

ngàn đồng), do tính toán nhầm nên sau đó anh P đã thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đã rút số tiền 100.000.000đ (**Một trăm triệu đồng**) và còn tiếp tục khởi kiện anh Trương Minh T có trách nhiệm thanh toán số tiền còn nợ là 1.104.000.000đ (*Một tỷ một trăm linh bốn triệu đồng*) đã làm tròn. Ngoài ra, anh P không còn có yêu cầu gì thêm.

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã triệu tập hợp lệ các bên đương sự để tiếp cận chứng cứ và hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị H, anh Đỗ Quốc A là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Quá trình anh Hồ Tấn P khởi kiện anh yêu cầu anh Trương Minh T trả số tiền còn nợ là 1.204.000.000đ, là các khoản tiền mà anh P và anh T đã chốt nợ vào ngày 10/4/2024, đã trừ đi khoản tiền lắp ráp thang máy theo hợp đồng số 3 trị giá 989.000.000đ (*Chín trăm tám mươi chín triệu đồng*).

Sau khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án thì anh P đã xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*). Do để vụ án được giải quyết sớm nên tại phiên tòa xét xử anh P tiếp tục xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 50.000.000đ (*Năm mươi triệu*) anh P đã cho anh T mượn và chuyển đến tài khoản của ông Đỗ Thành An vào ngày 12/7/2023 theo yêu cầu của anh T.

Nay, anh Hồ Tấn P chỉ còn khởi kiện yêu cầu anh Trương Minh T có trách nhiệm thanh toán số tiền còn nợ là 1.054.000.000đ (*Một tỷ không trăm năm mươi bốn triệu đồng*) đã làm tròn. Trong đó số tiền chuyển khoản là 650.000.000đ, 50.000.000đ giao bằng tiền mặt, 150.000.000đ là tiền anh P đưa cho anh T để anh T dựng nhà tôn cho anh P mà anh T không thực hiện và 204.400.000đ là khoản tiền công mà anh P bảo trì thang máy cho anh T mà lẽ ra anh T phải trả cho anh P, nhưng anh P đã mượn lại. Đối với nội dung xác nhận về việc sau khi anh T nhận sổ và bán nhà A2, hẻm 14, Nam Hồ, phường 11, thành phố Đà Lạt thì trả tiền cho anh P đây là cam kết trái quy định, bởi lẽ việc anh T nợ tiền của anh P là có thật và anh T phải có nghĩa vụ trả nợ cho anh P khi anh P có nhu cầu đòi lại. Đề nghị hội đồng xét xử xem xét để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hồ Tấn P.

Nguyên đơn anh Hồ Tấn P trình bày: Anh thống nhất với trình bày của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của anh. Nay, anh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Trương Minh T có trách nhiệm trả cho anh số tiền đã chốt nợ tổng cộng là 1.054.000.000đ (*Một tỷ không trăm năm mươi bốn triệu đồng*). Ngoài ra không còn yêu cầu gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án của Thẩm phán, đương sự và Hội đồng xét xử. Đại diện Viện kiểm sát yêu cầu Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa theo quy định tại Điều 259 của Bộ luật tố tụng dân sự, để xác minh làm rõ bà Phạm Thị Sáng có phải là vợ của ông Trương Minh T hay không? xác minh căn nhà A2 tại hẻm 14 Nam Hồ, phường 11, thành phố Đà Lạt thể hiện tại giấy nhận nợ và căn nhà tại giấy CNQSD đất số BB 713751 có phải là một hay không?.

Trường hợp Hội đồng xét xử không tạm ngừng phiên tòa để xác minh theo yêu cầu thì Viện kiểm sát không phát biểu về nội dung giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xuất phát từ việc giữa nguyên đơn anh Hồ Tấn P và bị đơn anh Trương Minh T có xác lập giao dịch dân sự vay mượn tiền và giao dịch thi công công trình lắp ráp thang máy. Quá trình thực hiện giao dịch do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên các bên phát sinh tranh chấp. Vì vậy, có đủ cơ sở xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và hợp đồng thi công*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Lâm Đồng có thẩm quyền giải quyết tranh chấp nói trên.

[2] Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với các bên đương sự để tham gia tố tụng, tại phiên tòa bị đơn anh Trương Minh T vắng mặt, nên căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung là phù hợp.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thì thấy:

Căn cứ chứng cứ và trình bày của nguyên đơn anh Hồ Tấn P xác định được quá trình giữa anh Hồ Tấn P và anh Trương Minh T có giao dịch hợp tác thi công lắp ráp thang máy và giao dịch chuyển tiền cho vay được thể hiện chi tiết các khoản nợ cụ thể tại giấy xác nhận nợ ghi ngày 10/4/2024 (BL 40, 41). Theo nội dung thể hiện anh Trương Minh T đã ký giấy nhận nợ của anh Hồ Tấn P “*Tôi có vay của ông Hồ Tấn P số tiền 2.093.400.000đ (viết bằng chữ Hai tỷ không trăm*

chín mươi ba triệu lẻ bốn trăm nghìn đồng” và mặt sau đã diễn giải rõ các khoản tiền giao dịch giữa hai bên.

Theo xác định của anh P thì trong đó số tiền anh T xác nhận nợ thì có số tiền anh T đã mượn nợ của anh là 1.104.000.000đ (*Một tỷ một trăm linh bốn ngàn đồng*), bao gồm số tiền anh đã chuyển vào tài khoản đứng tên anh Trương Minh T nhiều lần tổng là 650.000.000đ, 50.000.000đ giao bằng tiền mặt cho anh T, 150.000.000đ là tiền anh P đưa cho anh T để anh T dựng nhà cho anh P mà anh T không thực hiện và đã mượn lại của anh P, số tiền 204.400.000đ là khoản tiền công bảo trì thi công thang máy của Đợt 2 và Đợt 3 của công trình Tô Hiến Thành thể hiện tại mặt sau của giấy xác nhận. Tổng số tiền trên được tính là sau khi đã trừ đi số tiền 989.000.000đ thể hiện theo Hợp đồng 3.

Quá trình anh P khởi kiện yêu cầu anh T trả số tiền 1.204.400.000đ, nhưng sau đó anh P đã xin rút số tiền 100.000.000 và tại phiên tòa anh P tiếp tục xin rút thêm một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền là 50.000.000đ mà anh P cho anh T vay nhưng đã chuyển vào tài khoản cho ông Đỗ Thành An vào ngày 12/7/2023 theo yêu cầu của anh T.

Hiện anh P chỉ còn khởi kiện yêu cầu anh Trương Minh T có trách nhiệm trả cho anh số tiền đã còn lại tổng cộng là 1.054.000.000đ (*Một tỷ không trăm năm mươi bốn triệu đồng*).

Trong quá trình thực hiện các giao dịch nêu trên thì anh T có cam kết sau khi nhận cọc căn nhà A2, tại hẻm 14 Nam Hồ, phường 11, thành phố Đà Lạt sẽ trả 850.000.000đ và sẽ thanh toán số tiền còn lại sau khi rút sổ và sang tên cho chủ mới.

Quá trình tại phiên tòa nguyên đơn anh Hồ Tấn P xuất trình được hình ảnh chụp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 713751 thể hiện tại trang 4 giấy chứng nhận tên bà Nguyễn Thị Ngọc Bình - Phạm Thị Sáng chuyển nhượng tài sản sang cho ông Nguyễn Văn Phong, bà Nguyễn Thu Hà; anh P xác nhận tài sản nêu trên là căn nhà A2, tại hẻm 14 Nam Hồ, thành phố Đà Lạt đã được chuyển nhượng như cam kết của anh T. Anh P cho rằng bà Phạm Thị Sáng là vợ của anh T.

[3.2] Xét lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa cùng các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp, có đủ căn cứ xác định giữa nguyên đơn anh Hồ Tấn P và anh Trương Minh T có giao dịch nhận thi công công trình và giao dịch vay mượn tiền với nhau thể hiện theo chứng cứ là giấy xác nhận nợ ngày 10/4/2024.

Tại phiên tòa anh P xác định nay chỉ yêu cầu anh T có trách nhiệm trả số tiền còn nợ là 1.054.000.000đ (*Một tỷ không trăm năm mươi bốn triệu đồng*) là có căn cứ và phù hợp nên cần chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Lâm Đồng cho rằng chưa có căn cứ chứng minh bà Phạm Thị Sáng có phải là vợ của ông Trương Minh T hay không? và chưa xác định được căn nhà A2, tại hẻm 14 Nam Hồ, thành phố Đà Lạt có phải là căn nhà thể hiện theo hình ảnh chụp của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 713751 như cung cấp của anh P hay không? Nên yêu cầu Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để thu thập xem bà Phạm Thị Sáng có phải là vợ anh Trương Minh T hay không và xác minh xem căn nhà giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 713751 có phải là căn nhà A2, tại hẻm 14 Nam Hồ, phường 11, thành phố Đà Lạt hay không?.

Xét thấy yêu cầu của Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Lâm Đồng là không cần thiết, đối với yêu cầu khởi kiện của anh Hồ Tấn P phù hợp với chứng cứ do anh P cung cấp và trình bày. Quá trình anh P chỉ khởi kiện đòi lại các khoản tiền gốc mà anh Trương Minh T đã chót nhận nợ vào ngày 10/4/2024 nhưng đến nay chưa trả lại cho anh P.

Còn đối với nội dung anh T xác nhận sau khi nhận sổ và bán tài sản căn nhà A2 tại hẻm 14 Nam Hồ, phường 11, thành phố Đà Lạt thì anh T trả tiền cho anh P như nội dung giấy xác nhận nợ ngày 10/4/2024, đây không phải điều kiện bắt buộc cho điều kiện khởi kiện của anh P. Bởi lẽ nếu thỏa thuận nêu trên là điều kiện bắt buộc thì trường hợp anh Trương Minh T không thực hiện việc chuyển nhượng tài sản mà vào sinh sống luôn tại căn A2, tại hẻm 14 Nam Hồ, phường 11, thành phố Đà Lạt (Nay là phường Xuân Trường - Đà Lạt) và sinh sống suốt đời tại căn nhà nêu trên thì anh Hồ Tấn P sẽ không được quyền thực hiện việc khởi kiện yêu cầu anh Trương Minh T có nghĩa vụ trả các khoản tiền nợ như đã xác nhận cho anh P.

Vì vậy, đối với yêu cầu đề nghị thu thập theo yêu cầu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Lâm Đồng thì Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết.

[5] Với những nhận định trên cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Hồ Tấn P về việc yêu cầu bị đơn anh Trương Minh T phải có trách nhiệm trả cho anh P số tiền nợ gốc là 1.054.000.000đ (*Một tỷ không trăm năm mươi bốn triệu đồng*) theo nội dung giấy xác nhận nợ anh T đã ký nhận ngày 10/4/2024. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Hồ T P đối với số tiền 150.000.000đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*) so với yêu cầu khởi kiện ban đầu.

[6]Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn anh Hồ Tấn P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định; bị đơn anh Trương Minh T phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 463, Điều 466, **Điều 468** của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và hợp đồng thi công*” của nguyên đơn anh Hồ Tấn P với bị đơn anh Trương Minh T đối với số tiền 150.000.000đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*) so với yêu cầu khởi kiện ban đầu.

Quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án dân sự của đương sự được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2/Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Hồ Tấn P với bị đơn anh Trương Minh T.

Buộc bị đơn anh Trương Minh T phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn anh Hồ Tấn P tổng cộng số tiền nợ gốc là 1.054.000.000đ (*Một tỷ không trăm năm mươi bốn triệu đồng*).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3/Về án phí: Hoàn trả cho nguyên đơn anh Hồ Tấn P số tiền 24.060.000đ (*Hai mươi bốn triệu không trăm sáu mươi ngàn đồng*) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà anh P đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004879 ngày 13/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn anh Trương Minh T phải chịu **43.620.000đ** (*Bốn mươi ba triệu sáu trăm hai mươi ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

4/Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 14/8/2026). Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày niêm yết Bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử P thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 8, 36 và Điều 72 Luật Thi hành án Dân sự năm 2025, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án Dân sự năm 2025.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 1 - Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Trần Thị Lan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Yên Mai Nguyễn Thị Mỹ H

Trần Thị Lan

